

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bui Thi L, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Thôn 16, xã KT, huyện T, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ liên lạc: Số 174/1, đường 38, khu phố TQ, phường AT, thành phố TU, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyen Văn T, sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: Thôn 16, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nơi làm việc và chỗ ở hiện nay: Phân xưởng 1, công ty A; địa chỉ: Số 11A, đường N, Tổ 3, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/05/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bui Thi L trình bày:

Bà Bui Thi L và ông Nguyen Văn T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà Bui Thi L và ông Nguyen Văn T sinh sống tại Thôn 16, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2020, ông Nguyen Văn T vào Bình Dương làm ăn còn bà L thì tiếp tục sinh sống tại quê. Mâu thuẫn giữa bà L và ông T phát sinh từ khi mới kết hôn đến nay nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu say là ông T đánh đập vợ con. Bà L đã cố gắng chịu đựng vì con nhưng ông

T không thay đổi. Năm 2016, bà L có làm đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh nhưng do ông T xin cho cơ hội sửa chữa nên bà đã rút đơn. Sau khi bà L rút đơn khởi kiện, ông T không thay đổi vẫn tiếp tục đánh bà. Năm 2020, ông T vào Bình Dương làm công nhân tại Phân xưởng 1, công A; địa chỉ: Số 11A, đường N, Tổ 3, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vợ chồng ly thân đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và đã ly thân không thể đoàn tụ được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Bui Thi L và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Bui The A, sinh ngày 25/12/2003. Hiện nay cháu Anh đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T xác nhận có một hai lần đánh bà L, nguyên nhân xuất phát một phần từ bà L vì khi ông T nóng thì bà L có nói chuyện hỗn láo, không kiềm chế được nên ông T có đánh bà L. Khoảng 02 đến 03 năm nay vợ chồng đã ly thân do đầu năm 2020, ông T đi làm về vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay bà L không còn vì con vì gia đình và xác định muốn ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn với bà L nhưng sẽ ký đơn ly hôn cho bà L sau tháng 10/2023 vì đến tháng 10/2023, ông T về quê làm rõ một số vấn đề phát sinh trong gia đình khi ông vắng nhà. Ông và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Bui The A, sinh ngày 25/12/2003. Hiện nay cháu Anh đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Bui Thi L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 15/05/2023, bà Bui Thi L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Nguyen Văn T nên đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn ông Nguyen Văn T sinh sống và có nơi làm việc tại phường PH, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Nguyên đơn bà Bui Thi L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyen Văn T đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bui Thi L và ông Nguyen Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã Kt, huyện YK, tỉnh Ninh Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22-2002, ngày 20 tháng 3 năm 2002 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Bà Bui Thi L trình bày sau khi kết hôn bà L và ông Nguyen Văn T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu say ông T đánh đập vợ con. Bà L đã cố gắng chịu đựng vì con nhưng ông T không thay đổi. Từ năm 2020 đến nay, bà L và ông T đã ly thân nhưng không hàn gắn được. Bà L xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Văn T. Ông Nguyen Văn T thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân, không còn tình cảm với nhau và ông đồng ý ly hôn với bà L nhưng đến tháng 10 năm 2023, sau khi ông T giải quyết xong việc gia đình thì ông sẽ đơn ly hôn với bà L.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa Bui Thi L và ông Nguyen Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bui Thi L về việc ly hôn với ông Nguyen Văn T.

[2.2] Về con chung: Bà Bui Thi L và ông Nguyen Văn T có 01 con chung là cháu Nguyen Bui The A, sinh ngày 25/12/2003. Hiện nay cháu A đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Bà Bui Thi L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Nguyen Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bui Thi L đối với ông Nguyen Văn T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bui Thi L được ly hôn đối với ông Nguyen Văn T.
- Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bui Thi L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003191 ngày 22/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã KT;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga